

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 14-02-2025

V/v tranh chấp xin ly hôn, tranh  
chấp nuôi con chung và chia tài sản  
chung của vợ chồng khi ly hôn

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Thơ**

*Các Thẩm phán:* Bà **Lưu Thị Thu Thủy**

Bà **Võ Thị Thu Thúy**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Dương Thị Hà Vy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà **Bùi Thị Thanh Bạch** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2024/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng  
12 năm 2024 về tranh chấp “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài  
sản chung của vợ chồng khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 448/2024/HNGĐ-ST ngày 20  
tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 717/2024/QĐ-PT ngày  
26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1989; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**Đại diện theo ủy quyền:** Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1974; (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Võ Đại T1, sinh năm 1980; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**Đại diện theo ủy quyền:** Nguyễn Tấn B, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn Huỳnh Thị Cẩm T và bị đơn Võ Đại T1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm;*

\* Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T và đại diện ủy quyền là anh Nguyễn Hoàng A trình bày: Chị và anh T1 sống chung năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H năm 2007. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh T1 ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Về con chung: có 02 cháu tên Võ Huỳnh Cẩm T2, sinh ngày 11/06/2005 và Võ Đại P, sinh ngày 15/02/2011. Cháu T2 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết, ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu P, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade biển số 63B4- 427.47.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 63B4-712.02.

+ Phần đất trồng cây lâu năm diện tích 219 m<sup>2</sup>, thửa số 183, tờ bản đồ số 19, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 084036, số vào sổ cấp GCN: CH14061 ngày 31/8/2012 cho anh Võ Đại T1. Đo đạc thực tế diện tích 219,2m<sup>2</sup>.

Tài sản trên đất gồm có 01 ngôi nhà tiền chế diện tích 34,85m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA1, kết cấu nền gạch Ceramic, cột bê tông, vách tol + vách tường, đỡ mái thép, mái tole; 01 ngôi nhà ở diện tích 124,2m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA2 kết cấu nền gạch ceramic, cột bê tông vách tường, đỡ mái thép + gỗ, mái tole mạ màu và 01 nhà bếp diện tích 25,2m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA2, kết cấu nền xi măng, vách tường chưa tô, đỡ mái gỗ tạp, mái tole xi măng. Chị T thống nhất kết quả định giá của Hội đồng định giá. Tổng giá trị tài sản trên đất là 187.075.000 đồng (làm tròn).

Đất và nhà tại ấp H, xã H huyện C, tỉnh Tiền Giang. Hiện tại nhà và đất anh T1 đang quản lý, chị T ở trên phần đất thuê.

Ly hôn, chị T yêu cầu chia đôi đất và nhà, yêu cầu hưởng hiện vật, hoàn lại ½ giá trị nhà, đất cho anh T1 theo kết quả thẩm định, định giá.

Chị T quản lý và sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 63B4-712.02. Anh T1 quản lý và sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Air Blade biển số 63B4- 427.47 nên chị T không yêu cầu giải quyết hai chiếc xe. Tài sản trong nhà chị T không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung, nợ riêng: không có.

\* Bị đơn anh Võ Đại T1 trình bày:

- Về tình cảm: Anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có hai cháu Võ Huỳnh Cẩm T2, sinh ngày 11/06/2005 và Võ Đại P, sinh ngày 15/02/2011. Cháu T2 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết, ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu P, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh Thống nhất với tài sản chung mà bên nguyên đơn trình bày.

Ly hôn, anh không yêu cầu giải quyết hai chiếc xe. Anh không đồng ý chia đôi nhà và đất theo yêu cầu của chị T. Anh yêu cầu chia tài sản gồm 04 phần: anh, chị T, cháu T2, cháu P. Anh yêu cầu hưởng hiện vật, hoàn ¼ giá trị nhà và đất cho chị T theo biên bản định giá. Tài sản trong nhà anh không yêu cầu chia.

- Nợ chung, nợ riêng: Không có.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Huỳnh Cẩm T2 trình bày:*  
Chị là con của ông Võ Đại T1 và bà Huỳnh Thị Cẩm T. Ba mẹ ly hôn, mẹ chị có yêu cầu chia đôi nhà và đất. Trước đây, chị có ý kiến là phần đất và nhà chia 04 phần gồm ba mẹ, chị và em trai vì chị có công sức đóng góp trong việc sửa chữa nhà. Nay chị không có yêu cầu và ý kiến gì trong việc phân chia tài sản của ba mẹ, để ba mẹ quyết định.

Tại Bản án sơ thẩm số 448/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ: Các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

[1] Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Cẩm T và anh Võ Đại T1.

[2] Về con chung: cháu Võ Huỳnh Cẩm T2, sinh ngày 11/06/2005 đã trưởng thành. Giao cháu Võ Đại P, sinh ngày 15/02/2011 cho anh Võ Đại T1 tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị Huỳnh Thị Cẩm T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Huỳnh Thị Cẩm T.

- Chị Huỳnh Thị Cẩm T được quyền sử dụng và quản lý phần đất trồng cây lâu năm, qua đo đạc thực tế có diện tích 219,2 m<sup>2</sup>, thửa số 183, tờ bản đồ số 19, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 084036, số vào sổ cấp GCN: CH14061 ngày 31/8/2012 cho anh Võ Đại T1 và tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà tiền chế diện tích 34,85m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA1, kết cấu nền gạch Ceramic, cột bê tông, vách tol + vách tường, đỡ mái thép, mái tole; 01 ngôi nhà ở diện tích 124,2m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA2 kết cấu nền gạch ceramic, cột bê tông vách tường, đỡ mái thép + gỗ, mái tole mạ màu và 01 nhà bếp diện tích 25,2m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA2, kết cấu nền xi măng, vách tường chưa tô, đỡ mái gỗ tạp, mái tole xi măng. Đất, nhà tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Huỳnh Thị Cẩm T có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục cấp quyền sử dụng diện tích đất như nêu trên theo quy định của Luật đất đai khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vị trí, sơ đồ thửa đất theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (Kèm theo bản án).

Chị Huỳnh Thị Cẩm T có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Võ Đại T1 số tiền 137.377.500 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

[4] Ghi nhận sự tự nguyện của chị T tự nguyện để anh T1 lưu cư trong thời gian một năm kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật để anh T1 tìm chỗ ở mới.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Ngày 30/9/2024, nguyên đơn Huỳnh Thị Cẩm T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận cho chị T được nuôi con là Võ Đại P và đồng ý cho anh T1 được sống trong nhà thời gian là 03 tháng.

- Ngày 20/9/2024 bị đơn anh Võ Đại T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Anh yêu cầu được quyền sở hữu căn nhà và đất, anh đồng ý hoàn lại tiền cho chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Huỳnh Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung với anh Võ Đại T1 là đúng theo qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị T và anh T1 nộp trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[3] Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

3.1 Về con chung: Anh chị có 02 con chung: cháu Võ Huỳnh Cẩm T2, sinh ngày 11/06/2005 và Võ Đại P, sinh ngày 15/02/2011. Cháu T2 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Võ Đại P, sinh ngày 15/02/2011. Cấp sơ thẩm giao cháu P cho anh T1 nuôi dưỡng, chị T không đồng ý và có kháng cáo yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P.

Nhận thấy, hiện nay cháu P đã 14 tuổi. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, qua hỏi ý kiến của cháu P thì cháu P trình bày có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Cũng tại phiên tòa sơ thẩm chị T đồng ý giao cháu P cho anh T1 nuôi dưỡng. Cấp sơ thẩm giao cháu P cho anh T1 được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3.2 Về tài sản chung:

Anh chị thống nhất tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade biển số 63B4-427.47.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 63B4-712.02.

Đối với 02 chiếc xe mô tô trên anh T1, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, vợ chồng có phần đất trồng cây lâu năm diện tích 219m<sup>2</sup>, thửa số 183, tờ bản đồ số 19, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 084036, số vào sổ cấp GCN: CH14061 ngày 31/8/2012 cho anh Võ Đại T1. Đo đạc thực tế diện tích 219,2m<sup>2</sup> và tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà tiền chế diện tích 34,85m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA1, kết cấu nền gạch Ceramic, cột bê tông, vách tol + vách tường, đỡ mái thép, mái tole; 01 ngôi nhà ở diện tích 124,2m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA2 kết cấu nền gạch ceramic, cột bê tông vách tường, đỡ mái thép + gỗ, mái tole mạ màu và 01 nhà bếp diện tích 25,2m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA2, kết cấu nền xi măng, vách tường chưa tô, đỡ mái gỗ tạp, mái tole xi măng. Tổng giá trị tài sản nhà và đất 274.755.000 đồng. Anh chị đều thống nhất tài sản trên chia đôi mỗi người 1/2 tuy nhiên cả anh và chị đều muốn nhận bằng hiện vật. Cấp sơ thẩm giao nhà và đất cho chị T được quyền quản lý sử dụng, chị T có nghĩa vụ hoàn lại cho anh T1 1/2 giá trị tài sản là 137.377.500 đồng. Anh T1 không đồng ý và có yêu cầu kháng cáo.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Phần đất là tài sản chung của vợ chồng có nguồn gốc của bên gia đình chị T. Hiện tại, xung quanh đất, nhà của anh T1 chị T là gia đình bên ngoại chị T. Tại phiên tòa, anh

T1 trình bày, hiện nay anh có thuê ngôi nhà để kinh doanh, công việc của anh là làm ngành điện lạnh, sáng anh đi làm đến tối về nhà, có khi anh ở lại để trông coi tiệm, không về nhà. Anh và cháu P vẫn ở ngôi nhà thuê được, như vậy anh cũng dễ dàng trong việc chăm sóc con, trường hợp anh được nhận nhà và đất thì anh không có khả năng hoàn giá trị cho chị T. Lý do anh muốn nhận nhà, đất là anh muốn giữ lại tài sản cho con và cũng có chỗ ở ổn định để anh giao tiếp với thông gia, xã hội. Chị T yêu cầu được nhận đất, nhà với mục đích muốn giữ lại đất của ông bà. Hiện chị T đang ở thuê trên phần đất của cậu ruột. Cấp sơ thẩm giao nhà và đất cho chị T được quyền quản lý sử dụng, chị T có nghĩa vụ hoàn lại cho anh T1 ½ giá trị tài sản là 137.377.500 đồng là có căn cứ.

Về thời gian lưu cư: Chị T kháng cáo chỉ đồng ý cho anh T1 lưu cư 03 tháng để dọn về ở mới. Xét yêu cầu này của chị T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa sơ thẩm chị T tự nguyện cho anh T1 lưu cư 12 tháng và anh T1 cũng đang thuê 01 ngôi nhà gần đó để kinh doanh nên thuận tiện trong việc di dời tài sản về chỗ ở mới.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm anh T1 có cung cấp 01 bản tự khai của anh Lê Trung H và hợp đồng thuê nhà của anh Lê Trung H. Thời hạn thuê nhà là 01 năm, đến 15/02/2025 là hết hạn hợp đồng. Xét hợp đồng thuê nhà mà anh T1 cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng này không có công chứng, chứng thực, nội dung của hợp đồng bị tẩy xóa, không rõ ràng nên không thể làm căn cứ giải quyết vụ án được.

Anh T1 kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết gì mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1, không chấp nhận yêu cầu của chị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị T và anh T1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị Cẩm T. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Đại T1.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 448/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ: Các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

## **Tuyên xử:**

[1] Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Cẩm T và anh Võ Đại T1.

[2] Về con chung: Cháu Võ Huỳnh Cẩm T2, sinh ngày 11/06/2005 đã trưởng thành. Giao cháu Võ Đại P, sinh ngày 15/02/2011 cho anh Võ Đại T1 tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị Huỳnh Thị Cẩm T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Huỳnh Thị Cẩm T.

- Chị Huỳnh Thị Cẩm T được quyền sử dụng và quản lý phần đất trồng cây lâu năm, qua đo đạc thực tế có diện tích 219,2m<sup>2</sup>, thửa số 183, tờ bản đồ số 19, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 084036, số vào sổ cấp GCN: CH14061 ngày 31/8/2012 cho anh Võ Đại T1 và tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà tiền chế diện tích 34,85m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA1, kết cấu nền gạch Ceramic, cột bê tông, vách tol + vách tường, đỡ mái thép, mái tole; 01 ngôi nhà ở diện tích 124,2m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA2 kết cấu nền gạch ceramic, cột bê tông vách tường, đỡ mái thép + gỗ, mái tole mạ màu và 01 nhà bếp diện tích 25,2m<sup>2</sup>, loại nhà BKCA2, kết cấu nền xi măng, vách tường chưa tô, đỡ mái gỗ tạp, mái tole xi măng. Đất, nhà tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Huỳnh Thị Cẩm T có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục cấp quyền sử dụng diện tích đất như nêu trên theo quy định của Luật đất đai khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vị trí, sơ đồ thửa đất theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (Kèm theo bản án).

Chị Huỳnh Thị Cẩm T có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Võ Đại T1 số tiền 137.377.500 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

[4] Ghi nhận sự tự nguyện của chị T tự nguyện để anh T1 lưu cư trong thời gian 01 (một) năm kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật để anh T1 tìm chỗ ở mới.

[5] Về án phí:

5.1 Án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 6.889.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng cộng chị T phải nộp 7.189.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.363.000 đồng theo biên lai số 007692 ngày 21/6/2024 và biên lai

số 0007693 ngày 29/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên chị phải nộp tiếp 3.826.000 đồng.

Anh Võ Đại T1 phải nộp 7.189.000 đồng án phí sơ thẩm.

5.2 Án phí phúc thẩm: Anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Anh T1 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007889 ngày 26/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007923 ngày 02/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHAND huyện C;
- Đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thơ**